

Nam Trà My, ngày 08 tháng 3 năm 2022

Số 05 - QĐ/HU

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về thi hành Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ;
 - Căn cứ Quy định số 450-QĐ/TW, ngày 21/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy khóa XIX, nhiệm kỳ 2020 -2025;
 - Căn cứ Quy định số 12-QĐ/HU, ngày 25/12/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;
- Ban Thường vụ Huyện ủy quy định về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ; áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở cấp huyện với cấp xã và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đầu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

4. Quy hoạch cấp uỷ các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp uỷ làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện uỷ, Bí thư, Phó Bí thư Huyện uỷ; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện).

5. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, không quy hoạch tái cử, tái bổ nhiệm chức vụ đảng đảm nhiệm và chức vụ tương đương chức vụ đang đảm nhiệm, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp huyện, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở". Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước bị xử lý kỷ luật; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

1.1. Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

1.2. Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý (Phụ lục 1).

1.3. Các chức danh thuộc diện Đảng ủy xã, cấp ủy và tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ).

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 02 đối tượng, cụ thể:

2.1. Đối tượng 1 và đối tượng 2 để quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (Phụ lục 2).

2.2. Đối tượng 1 và đối tượng 2 để quy hoạch các chức danh trưởng, phó các cơ quan: Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Huyện ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; Ủy viên UBKT Huyện ủy (Phụ lục 3).

2.3. Đối tượng 1 và đối tượng 2 để quy hoạch các chức danh trưởng, phó các cơ quan, đơn vị: Văn phòng Huyện ủy, Liên đoàn Lao động huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Hội Nông dân huyện, Hội Cựu chiến binh huyện, Huyện đoàn; trưởng, phó các Ban của Hội đồng nhân dân huyện; các phòng, ban và tương đương thuộc khối chính quyền huyện (Phụ lục 4).

2.4. Đối tượng 1 và đối tượng 2 để quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó bí thư đảng ủy xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (Phụ lục 5).

2.5. Đối tượng 1 và đối tượng 2 để quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy (nếu có), Bí thư, Phó bí thư các đảng ủy lực lượng vũ trang trực thuộc Huyện ủy (Phụ lục 6).

2.6. Đối tượng 1 và đối tượng 2 để quy hoạch các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Đảng ủy xã và Đảng ủy lực lượng vũ trang trực thuộc Huyện ủy căn cứ vào các Phụ lục kèm theo Quy định này để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch (hoặc chức danh tương đương chức danh được quy hoạch) hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền, thời gian phê duyệt quy hoạch

1. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1.1. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định gồm các chức danh: Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

1.2. Ban Thường vụ Huyện ủy phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định gồm:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND huyện, trưởng, phó các Ban của HĐND huyện, Trưởng, phó phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy.

- Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND xã.

- Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy lực lượng vũ trang trực thuộc Huyện ủy.

2. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của Ban Thường vụ Huyện ủy

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại cơ quan, đơn vị, địa phương; quy định tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

1.2. Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá, phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

1.3. Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Huyện ủy

2.1. Tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy

- Quy định về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý (tham mưu quy định rõ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, đối tượng, thẩm quyền, quy trình theo quy định,...) và Kế hoạch thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Thực hiện quy trình quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện; trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Tổng kết, sơ kết công tác quy hoạch cán bộ trên địa bàn huyện.

2.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý theo quy định.

2.3. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2.4. Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu)

để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy, lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị

3.1. Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin, tham gia ý kiến liên quan đến nhân sự thuộc diện mình quản lý được giới thiệu quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

3.2. Thực hiện nhiệm vụ khác về công tác quy hoạch cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ và theo yêu cầu của Ban Thường vụ Huyện ủy.

Điều 7. Phương pháp và thời điểm quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện 01 lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch của nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ tiếp theo trong quý I và báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch chậm nhất trong tháng 6; trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch, nhân sự phải cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Về tiêu chuẩn chính trị: Được cấp có thẩm quyền kết luận đảm bảo tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch theo quy định.

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

- Về trình độ lý luận chính trị:

+ Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử

+ Đối tượng 2 có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; sau khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị, đạt chuẩn theo quy định.

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn: Kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước,...

Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động để cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh quy hoạch.

2. Về độ tuổi

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 01 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

3.1. Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan chính quyền là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức này.

3.2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (*Ban Tổ chức Huyện ủy đối với quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý*) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 9. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng

1.1. Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

1.2. Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:

- Mỗi chức danh quy hoạch không quá 03 cán bộ.
- Một cán bộ quy hoạch không quá 03 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp).

2. Về cơ cấu

2.1. Quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp: Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực.

2.2. Quy hoạch các chức danh chủ chốt cấp huyện: Phải có cán bộ nữ, cán bộ trẻ trong quy hoạch; phải có ít nhất 01 cán bộ người dân tộc thiểu số (đối với quy

hoạch chức danh Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND huyện), ít nhất 02 cán bộ người dân tộc thiểu số (đối với quy hoạch chức danh Phó Bí thư).

2.3. Quy hoạch chức danh cấp trưởng các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở huyện: Phần đầu có cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

2.4. Quy hoạch chức danh cấp phó các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở huyện: Phần đầu có cán bộ nữ, cán bộ trẻ (đối với cơ quan được quy định số lượng 01 cấp phó); phải có cán bộ trẻ và cán bộ nữ (đối với cơ quan được quy định số lượng 02 cấp phó); phải có từ 02 cán bộ trẻ và 03 cán bộ nữ trở lên (đối với cơ quan được quy định số lượng 03-04 cấp phó); cơ cấu tỷ lệ người dân tộc thiểu số phù hợp.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình:

- (1) Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ.
- (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ; rà soát bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

1.1. Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (Phụ lục 2).

1.2. Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh trưởng, phó các cơ quan: Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Huyện ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; Ủy viên UBKT Huyện ủy (Phụ lục 3).

1.3. Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh trưởng, phó các cơ quan, đơn vị: Văn phòng Huyện ủy, Liên đoàn Lao động huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Hội Nông dân huyện, Hội Cựu chiến binh huyện, Huyện đoàn; trưởng, phó các Ban của Hội đồng nhân dân huyện; các phòng, ban và tương đương thuộc khối chính quyền huyện (Phụ lục 4).

1.4. Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó bí thư đảng ủy xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (Phụ lục 5).

1.5. Quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy (nếu có), Bí thư, Phó bí thư các đảng ủy lực lượng vũ trang trực thuộc Huyện ủy (Phụ lục 6).

1.6. Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Đảng ủy xã và Đảng ủy lực lượng vũ trang trực thuộc Huyện ủy căn cứ vào các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này để cụ thể hóa phù hợp ở cấp mình.

2. Hồ sơ nhân sự: Thực hiện theo Phụ lục 7.

Điều 11. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch

Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ, Đảng ủy xã và Đảng ủy lực lượng vũ trang trực thuộc Huyện ủy báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch của cấp mình (quyết định phê duyệt quy hoạch và danh sách kèm theo) cho Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Ban Tổ chức Huyện ủy) để quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 12. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc cán bộ đã từ trần hoặc đã nghỉ việc thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch (cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch vẫn ban hành quyết định rà soát đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch mà không phải thực hiện quy trình bỏ phiếu theo quy định).

Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi quyết định thi hành kỷ luật hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Ban Tổ chức Huyện ủy chủ trì, tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ cho cấp dưới trực tiếp; phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy định, Hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Huyện ủy về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, có trách nhiệm cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị nhưng không trái với Quy định, Hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, của huyện.

3. Quy định về công tác quy hoạch cán bộ (kèm theo các phụ lục) có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế những quy định trước đây về quy hoạch cán bộ không phù hợp với Quy định này.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo),
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo),
- Các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện,
- Các TCCS Đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Lê Thanh Hưng